

**PHÂN TÍCH VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ MINH HỌA MÔN ĐỊA LÍ THPT 2021  
CỦA BỘ GD&ĐT (NGÀY 31/03/2021)**

Các thầy cô giáo môn Địa lí - Tổ Sử- Địa- GDCD- TD-GDQPAN - Trường THPT Tiên Lữ:

1. Phan Văn Quý
2. Đoàn Thị Minh Tuấn

**I. MA TRẬN TRỌNG SỐ CẤU TRÚC ĐỀ**

Kiến thức/kĩ năng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Số câu	Sự thay đổi so với đề thi TN THPT năm 2020
<b>KIẾN THỨC</b>	<b>5</b>	<b>9</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>21</b>	<i>Giảm đi (-1)</i>
<b>- Lớp 12</b>	<b>5</b>	<b>9</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>21</b>	<i>Giảm đi (-1)</i>
+ Địa lí tự nhiên	1	1	0	1	3	<i>Giảm đi (-3)</i>
Vị trí địa lí, lãnh thổ		1			1	
Đặc điểm chung của tự nhiên				1	1	
Sử dụng và bảo vệ tự nhiên	1				1	
+ Địa lí dân cư	0	2	0	0	2	<i>Giảm đi (-1)</i>
Dân số và phân bố dân cư						
Lao động và việc làm		1			1	
Đô thị hóa		1			1	
+ Địa lí ngành kinh tế	3	5	0	0	8	<i>Tăng lên (+3)</i>
Chuyển dịch cơ cấu kinh tế		1			1	
Nông – lâm – thủy sản	1	2			3	
Công nghiệp	2				2	
Dịch vụ		1	1		2	
+ Địa lí vùng kinh tế	1	1	3	3	8	<i>Giữ nguyên</i>
TD&MN Bắc Bộ				1	1	
ĐBSH			1		1	
Bắc Trung Bộ				1	1	
Duyên hải NTB			1		1	
Tây Nguyên			1		1	
Đông Nam Bộ	1				1	
ĐBSCL				1	1	
Biển đảo		1			1	
Vùng KTTĐ					0	
<b>- Lớp 11</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<i>Giữ nguyên</i>
<b>KĨ NĂNG</b>	<b>13</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>19</b>	<i>Tăng lên (+1)</i>
<b>- Lớp 12</b>	<b>13</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>17</b>	<i>Giảm đi (-1)</i>
+ Atlas Địa lí	13	2			15	<i>Tăng lên (+1)</i>
+ Bảng số liệu				1	1	
+ Biểu đồ				1	1	
<b>- Lớp 11</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<i>Tăng lên (+2)</i>
+ Atlas Địa lí						
+ Bảng số liệu		1			1	
+ Biểu đồ			1		1	
<b>Tổng số</b>	<b>18</b>	<b>12</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>40</b>	

=> **Nhận xét:**

- Nội dung câu hỏi, bài tập ở chương trình Địa lí lớp 12.
- Đề tham khảo tốt nghiệp THPT của Bộ GD&ĐT đã giảm về độ khó so với đề thi THPTQG năm 2019, khó hơn Đề thi tốt nghiệp THPT năm 2020.

## II. HƯỚNG DẪN GIẢI VÀ ÔN TẬP

### 1. Câu hỏi về Atlas Địa lí Việt Nam (15 câu, từ câu 46 đến câu 60)

- Dựa vào trang của Atlas Địa lí Việt Nam được gợi ý ở phần câu hỏi (hoặc lời dẫn)
- Đọc chú giải về đối tượng (nếu có)
- Quan sát nơi phân bố của kí hiệu về đối tượng trên bản đồ sẽ được đáp án.

### 2. Câu hỏi liên quan đến bảng số liệu và biểu đồ (4 câu, gồm: 61, 62, 76 và 80)

- Đối với câu hỏi về biểu đồ:
  - + Lần lượt đối chiếu từng phương án với biểu đồ cho đến khi chọn được đáp án như **Câu 61**
  - + Từ biểu đồ cho trước thiếu tên yêu cầu tìm tên biểu đồ. Câu hỏi này sẽ làm như sau: Từ biểu đồ cho trước -> loại hình biểu đồ -> cụm từ tương ứng -> tìm cụm từ có ở phương án – đáp án.
  - VD: Câu 76: Biểu đồ cho trước là **biểu đồ cột miền**, cụm từ tương ứng biểu đồ miền là **chuyển dịch cơ cấu** nên đáp án là **phương án C. Chuyển dịch cơ cấu dân số nông thôn và thành thị.**
- Đối với câu hỏi về bảng số liệu:
  - + Xử lí số liệu (nếu có).
  - + Lần lượt đối chiếu từng phương án với bảng số liệu sau khi xử lí cho đến khi chọn được đáp án.
  - VD: Câu 61: Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Năm	2010	2015	2017	2018
Xuất khẩu	184	182	205	219
Nhập khẩu	169	179	195	230

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê 2020)

Theo bảng số liệu, cho biết năm nào sau đây In-đô-nê-xi-a nhập siêu?

- A. Năm 2010.
- B. Năm 2015.
- C. Năm 2017.
- D. Năm 2018.**

HD: Xử lí số liệu

Cán cân thương mại = Giá trị xuất khẩu – giá trị nhập khẩu (Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Nếu cán cân thương mại > 0 thì gọi là xuất siêu

Nếu cán cân thương mại = 0 thì gọi là cân bằng, cân đối

Nếu cán cân thương mại < 0 thì gọi là nhập siêu

Sau khi xử lí số liệu sẽ chọn được đáp án **D. Năm 2018.**

+ Nêu từ bảng số liệu cho trước yêu cầu tìm loại biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện thì cần căn cứ vào các cụm từ trong câu hỏi và bảng số liệu sẽ chọn được đáp án

VD: Câu 80: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NỘI ĐỊA CỦA NƯỚC TA NĂM 2015 VÀ 2019

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	Nuôi cá	Nuôi tôm	Nuôi thủy sản khác
2015	327,3	668,4	16,4
2019	333,5	747,5	11,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo bảng số liệu, để thể hiện **quy mô và cơ cấu** diện tích nuôi trồng thủy sản nội địa của nước ta năm 2015 và 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Kết hợp.
- C. Đường.
- D. Tròn.**

HD: Câu hỏi có cụm từ “**quy mô và cơ cấu**”, **bảng số liệu thể hiện cơ cấu trong 2 thời điểm** nên chỉ có đáp án **D. Tròn**.

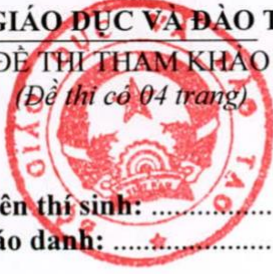
**3. Câu hỏi kiến thức ở mức nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao**

- Những câu hỏi nhận biết đáp án gắn liền với từ khóa của câu hỏi/lời dẫn (từ câu 41 đến câu 45).
- Những câu hỏi thông hiểu cần nắm chắc kiến thức cơ bản của mỗi bài/chủ đề (từ câu 63 đến câu 70).
- Những câu hỏi vận dụng đòi hỏi phải lựa chọn được vai trò, ý nghĩa chủ yếu (chính) của các nhân tố, yếu tố (từ câu 71 đến câu 75).
- Những câu hỏi vận dụng cao đòi hỏi phải vận dụng các kiến thức đã học vào các tình huống, trường hợp cụ thể (từ câu 76 đến câu 80).

**BẢNG TỔNG HỢP ĐÁP ÁN ĐỀ THI THAM KHẢO MÔN ĐỊA LÍ KÌ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021 CỦA BỘ GD&ĐT NGÀY 31.03.2021**

<b>Câu</b>	<b>Đáp án</b>	<b>Câu</b>	<b>Đáp án</b>	<b>Câu</b>	<b>Đáp án</b>	<b>Câu</b>	<b>Đáp án</b>
41	B	51	C	61	D	71	B
42	C	52	B	62	A	72	C
43	B	53	C	63	A	73	B
44	B	54	B	64	A	74	C
45	A	55	A	65	C	75	A
46	D	56	A	66	A	76	C
47	A	57	B	67	A	77	B
48	A	58	C	68	B	78	B
49	C	59	D	69	A	79	D
50	C	60	B	70	A	80	D

**III. PHỤ LỤC**



Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

- Câu 41:** Nguồn lợi thủy sản ven bờ nước ta bị giảm sút rõ rệt do  
A. nước biển dâng cao. B. khai thác quá mức. C. có nhiều cơn bão. D. sạt lở bờ biển.
- Câu 42:** Biện pháp để tránh thiệt hại khi có bão mạnh ở nước ta là  
A. chống cháy rừng. B. xây hồ tích nước. C. sơ tán dân. D. ban hành Sách đỏ.
- Câu 43:** Công nghiệp nước ta hiện nay  
A. chỉ có khai thác. B. có nhiều ngành. C. tập trung ở miền núi. D. sản phẩm ít đa dạng.
- Câu 44:** Tiềm năng thủy điện của nước ta tập trung chủ yếu ở hệ thống  
A. sông Đồng Nai. B. sông Hồng. C. sông Mã. D. sông Cà.
- Câu 45:** Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu của việc khai thác chiều sâu trong nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là  
A. thủy lợi. B. bảo vệ rừng. C. trồng rừng. D. tăng diện tích đất.
- Câu 46:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích lớn nhất?  
A. Quảng Trị. B. Hà Tĩnh. C. Quảng Bình. D. Nghệ An.
- Câu 47:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ nào sau đây thuộc lưu vực hệ thống sông Đồng Nai?  
A. Hồ Trị An. B. Hồ Hòa Bình. C. Hồ Kẻ Gỗ. D. Hồ Thác Bà.
- Câu 48:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trong các địa điểm sau đây, địa điểm nào có nhiệt độ trung bình tháng I thấp nhất?  
A. Lũng Cú. B. Hà Tiên. C. Huế. D. Hà Nội.
- Câu 49:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào sau đây nằm trên cao nguyên Di Linh?  
A. Núi Nam Decbri. B. Núi Lang Bian. C. Núi Braian. D. Núi Chư Pha.
- Câu 50:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số cao nhất trong các tỉnh sau đây?  
A. Điện Biên. B. Lai Châu. C. Thái Bình. D. Sơn La.
- Câu 51:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc tỉnh Bình Định?  
A. Biên Hòa. B. Nha Trang. C. Quy Nhơn. D. Vũng Tàu.
- Câu 52:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực lớn nhất?  
A. Hà Giang. B. Nam Định. C. Lào Cai. D. Cao Bằng.
- Câu 53:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết ngành công nghiệp nào sau đây có ở trung tâm Huế?  
A. Luyện kim. B. Đóng tàu. C. Dệt may. D. Hóa chất.
- Câu 54:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm nào có quy mô lớn nhất trong các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm sau đây?  
A. Quảng Ngãi. B. Nha Trang. C. Tây Ninh. D. Bảo Lộc.
- Câu 55:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng nào sau đây là cảng sông?  
A. Cảng Việt Trì. B. Cảng Hải Phòng. C. Cảng Cái Lân. D. Cảng Cửa Lò.
- Câu 56:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây là di sản thiên nhiên thế giới?  
A. Vịnh Hạ Long. B. Cố đô Huế. C. Di tích Mỹ Sơn. D. Phố cổ Hội An.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết nhà máy điện nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Hồng?

- A. Na Dương.                      B. Phả Lại.                      C. Thác Bà.                      D. Hòa Bình.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết điểm khai thác crôm Cỏ Định thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh.                      B. Quảng Bình.                      C. Thanh Hóa.                      D. Nghệ An.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết hồ Phú Ninh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Phú Yên.                      B. Bình Định.                      C. Quảng Ngãi.                      D. Quảng Nam.

**Câu 60:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết kênh Phụng Hiệp nối Cà Mau với địa điểm nào sau đây?

- A. U Minh.                      B. Ngã Bảy.                      C. Năm Căn.                      D. Vị Thanh.

**Câu 61:** Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

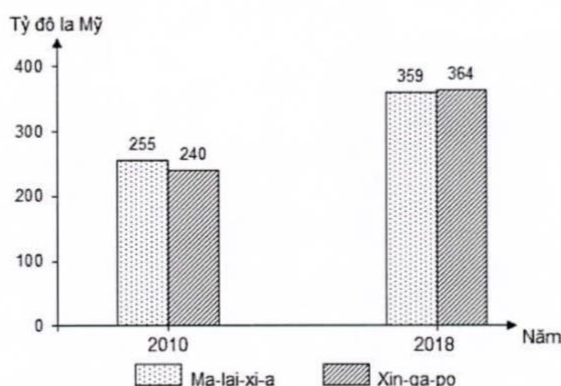
Năm	2010	2015	2017	2018
Xuất khẩu	184	182	205	219
Nhập khẩu	169	179	195	230

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo bảng số liệu, cho biết năm nào sau đây In-đô-nê-xi-a nhập siêu?

- A. Năm 2010.                      B. Năm 2015.                      C. Năm 2017.                      D. Năm 2018.

**Câu 62:** Cho biểu đồ:



GDP CỦA MA-LAI-XI-A VÀ XIN-GA-PO NĂM 2010 VÀ 2018

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh sự thay đổi GDP năm 2018 với năm 2010 của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po?

- A. Xin-ga-po tăng nhiều hơn Ma-lai-xi-a.                      B. Ma-lai-xi-a tăng nhiều hơn Xin-ga-po.  
C. Ma-lai-xi-a tăng nhanh hơn Xin-ga-po.                      D. Xin-ga-po tăng gấp hai lần Ma-lai-xi-a.

**Câu 63:** Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên

- A. nhiệt độ trung bình năm cao.                      B. mưa tập trung theo mùa.  
C. giàu có các loại khoáng sản.                      D. có các quần đảo ở xa bờ.

**Câu 64:** Lao động nước ta hiện nay

- A. tăng nhanh, còn thiếu việc làm.                      B. đông đảo, thất nghiệp còn rất ít.  
C. chủ yếu công nhân kĩ thuật cao.                      D. tập trung toàn bộ ở công nghiệp.

**Câu 65:** Các đô thị ở nước ta hiện nay

- A. chủ yếu là kinh tế nông nghiệp.                      B. có tỉ lệ thiếu việc làm rất cao.  
C. có thị trường tiêu thụ đa dạng.                      D. tập trung đa số dân cư cả nước.

**Câu 66:** Tỉ lệ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế theo ngành nước ta tăng lên là biểu hiện của

- A. sự phát triển nền kinh tế.                      B. sự mở rộng nông nghiệp.  
C. việc tăng trưởng dịch vụ.                      D. cơ cấu kinh tế đa dạng.

**Câu 67:** Ngành chăn nuôi của nước ta hiện nay

- A. tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa.                      B. nuôi nhiều trâu và bò lấy sức kéo.  
C. có hiệu quả cao và luôn ổn định.                      D. chỉ sử dụng giống năng suất cao.

**Câu 68:** Hoạt động trồng rừng nước ta hiện nay

- A. tập trung hầu hết ở vùng đồng bằng.
- C. chỉ tập trung để trồng rừng sản xuất.

- B. có sự tham gia nhiều của người dân.
- D. hoàn toàn do Nhà nước thực hiện.

**Câu 69:** Giao thông vận tải đường ống nước ta

- A. phát triển gắn với ngành dầu khí.
- C. chỉ dành riêng vận tải nước ngọt.

- B. có mạng lưới phủ rộng khắp nước.
- D. nối liền các tuyến vận tải quốc tế.

**Câu 70:** Các đảo ven bờ nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển

- A. đánh bắt cá và hoạt động du lịch.
- C. trồng cây lương thực và rau quả.

- B. khai thác khoáng sản và vận tải.
- D. nuôi các gia súc lớn và gia cầm.

**Câu 71:** Nước ta hiện nay có kim ngạch xuất nhập khẩu tăng nhanh chủ yếu do

- A. mức sống tăng, đẩy mạnh công nghiệp hóa.
  - C. đẩy mạnh hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường.
- B. sản xuất phát triển, hội nhập kinh tế thế giới.
  - D. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sản xuất đa dạng.

**Câu 72:** Thế mạnh chủ yếu để phát triển ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. nhiều lao động kỹ thuật, cơ sở hạ tầng tiên bộ.
  - C. dân số đông, nhiều đô thị, sản xuất phát triển.
- B. dân trí nâng cao, có nhiều trung tâm giáo dục.
  - D. thị trường lớn, vị trí thuận lợi, dân đô thị nhiều.

**Câu 73:** Thuận lợi chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. giáp Đông Nam Bộ, có các loại khoáng sản.
  - C. có trung tâm công nghiệp, khu công nghiệp.
- B. thu hút được nhiều đầu tư, có các cảng biển.
  - D. cơ sở hạ tầng phát triển, nhiều nguyên liệu.

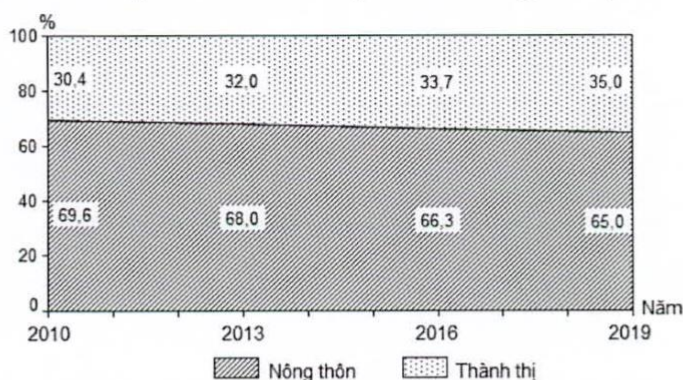
**Câu 74:** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. đẩy mạnh trồng trọt, tạo cách sản xuất mới.
  - C. phát triển hàng hóa, nâng cao chất lượng sống.
- B. giải quyết việc làm, nâng cao vị thế của vùng.
  - D. khai thác các tài nguyên, bảo vệ môi trường.

**Câu 75:** Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay cần chuyển dịch cơ cấu cây trồng chủ yếu do

- A. xâm nhập mặn rộng, hạn hán, thiếu nước ngọt.
  - C. sạt lở bờ biển, nước biển dâng và nhiệt độ tăng.
- B. bề mặt sụt lún, nhiều vùng bị phèn và mặn hóa.
  - D. khô hạn kéo dài, vùng rừng ngập mặn thu hẹp.

**Câu 76:** Cho biểu đồ về dân số nông thôn và thành thị của nước ta giai đoạn 2010 - 2019:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô, cơ cấu dân số nông thôn và thành thị.
- B. Thay đổi quy mô dân số nông thôn và thành thị.
- C. Chuyển dịch cơ cấu dân số nông thôn và thành thị.
- D. Tốc độ tăng trưởng dân số nông thôn và thành thị.

**Câu 77:** Địa hình ven biển nước ta đa dạng chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. các dãy núi, áp thấp, bão và vận động Tân kiến tạo.
- B. sông ngòi, sóng biển, thủy triều và quá trình nội lực.
- C. đồng bằng ở ven biển, đồi núi và vận động kiến tạo.
- D. thủy triều, thềm lục địa, các đồng bằng và cồn cát.

**Câu 78:** Cây ăn quả ở Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay phát triển theo hướng tập trung do tác động chủ yếu của

- A. chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển các sản phẩm giá trị.
- B. đa dạng hóa nông nghiệp, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu.
- C. sản xuất theo hướng hàng hóa, nhu cầu lớn của người dân.
- D. ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, giải quyết việc làm.

**Câu 79:** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. khai thác hợp lý tự nhiên, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa.
- B. đa dạng hóa nông nghiệp, bảo vệ tốt tài nguyên và môi trường.
- C. đẩy mạnh tăng trưởng sản xuất, gắn liền các lãnh thổ với nhau.
- D. khai thác thế mạnh mỗi vùng, tạo sự liên kết sản xuất lãnh thổ.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NỘI ĐỊA CỦA NƯỚC TA NĂM 2015 VÀ 2019

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	Nuôi cá	Nuôi tôm	Nuôi thủy sản khác
2015	327,3	668,4	16,4
2019	333,5	747,5	11,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô và cơ cấu diện tích nuôi trồng thủy sản nội địa của nước ta năm 2015 và 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Kết hợp.
- C. Đường.
- D. Tròn.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

